

## BẢO HIỂM SỨC KHỎE TIÊU CHUẨN LIBERTY MEDICARE (GÓI DOANH NGHIỆP)

THÔNG TIN BẢO HIỂM		M1 (Dành cho 40 tuổi - 44 tuổi)	M2 (Dành cho 40 tuổi - 44 tuổi)
A	<b>PHÍ BẢO HIỂM NỘI TRÚ</b> (Quyền lợi nội trú)	<b>2.915.000</b> đồng/năm	<b>4.081.000</b> đồng/năm
B	<b>PHÍ BẢO HIỂM NGOẠI TRÚ</b> (Được áp dụng khi mua kèm với quyền lợi nội trú)	<b>3.596.000</b> đồng/năm	<b>4.195.000</b> đồng/năm
C	<b>PHÍ BẢO HIỂM NHA KHOA</b> (Được áp dụng khi mua kèm quyền lợi ngoại trú)	<b>3.350.000</b> đồng/năm	<b>3.350.000</b> đồng/năm
D	<b>PHÍ BẢO HIỂM THAI SẢN</b> (Được áp dụng khi mua kèm quyền lợi nội trú)	<b>4.876.000</b> đồng/năm	<b>4.876.000</b> đồng/năm
E	<b>ĐIỂM KHÁC BIỆT CỦA LIBERTY</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không giới hạn số lần khám bệnh và chi phí cho mỗi lần khám</li> <li>- Không giới hạn chi phí nằm viện và số ngày điều trị</li> <li>- Không áp dụng thời gian chờ cho các bệnh đặc biệt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không giới hạn số lần khám bệnh và chi phí cho mỗi lần khám</li> <li>- Không giới hạn chi phí nằm viện và số ngày điều trị</li> <li>- Không áp dụng thời gian chờ cho các bệnh đặc biệt</li> </ul>
F	<b>CHÍNH SÁCH GIẢM PHÍ</b>	Giảm 5% số người được bảo hiểm từ 30-50 người Giảm 10% số người được bảo hiểm từ 51-100 người Giảm 15% số người được bảo hiểm từ 101-150 người Giảm 20% số người được bảo hiểm từ 151-200 người	Giảm 5% số người được bảo hiểm từ 30-50 người Giảm 10% số người được bảo hiểm từ 51-100 người Giảm 15% số người được bảo hiểm từ 101-150 người Giảm 20% số người được bảo hiểm từ 151-200 người
G	<b>PHẠM VI BẢO HIỂM</b>	Việt Nam	Việt Nam
H	<b>THỜI HẠN BẢO HIỂM</b>	1 năm	1 năm
I	<b>LOẠI THẺ</b>	<i>Thẻ bảo lãnh nội trú</i>	<i>Thẻ bảo lãnh nội trú</i>
K	<b>QUYỀN LỢI NỘI TRÚ: Chi phí bảo hiểm tối đa</b>	đến <b>120.000.000</b> đồng/năm	đến <b>250.000.000</b> đồng/năm
	<b>Tất cả chi phí nằm viện:</b> Bao gồm chi phí phẫu thuật, phòng mổ, trang thiết bị phẫu thuật, nghiên cứu, chăm sóc y tế,... Tiền phòng và ăn uống - theo ngày Phòng săn sóc đặc biệt - theo ngày	<b>Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa</b> trong đó 1.000.000/ngày 2.500.000/ngày	<b>Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa</b> trong đó 1.500.000/ngày 4.000.000/ngày
	<b>Điều trị ung thư:</b> Điều trị nội trú hoặc điều trị trong ngày tại bệnh viện (Tối đa cho một năm hợp đồng)	50.000.000/năm	100.000.000/năm
	<b>Điều trị trong ngày:</b> Nhập viện nhưng không ở qua đêm tại bệnh viện (Tối đa cho một năm hợp đồng)	<b>Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa</b>	<b>Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa</b>
	<b>Dịch vụ xe cấp cứu:</b> Dịch vụ vận chuyển cấp cứu đường bộ cần thiết đến và từ bệnh viện tới địa phương	<b>Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa</b>	<b>Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa</b>

	<b>Chi phí cấy ghép bộ phận:</b> Đối với thận, tim gan và tuỷ xương (Tối đa cho từng bệnh lý hay thương tật)	<b>Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa</b>	<b>Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa</b>
	<b>Chi phí điều trị trước và sau khi nằm viện:</b> Chi phí ngoại trú trong vòng 30 ngày trước khi nhập viện và 90 ngày sau khi xuất viện (Tối đa cho mỗi lần nằm viện)	6.000.000/lần	8.000.000/lần
	<b>Điều trị tại khoa cấp cứu:</b> Các dịch vụ được thực hiện tại khoa cấp cứu hoặc phòng cấp cứu của bệnh viện trong thời gian không quá 24 giờ	6.000.000/năm	10.000.000/năm
	<b>Y tá chăm sóc tại nhà:</b> Tối đa 182 ngày cho một năm hợp đồng	<b>Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa</b>	<b>Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa</b>
	<b>Vận chuyển y tế cấp cứu/Hồi hương</b>	<b>Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa</b>	<b>Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa</b>
	<b>Vận chuyển thi hài về quê quán</b>	<b>Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa</b>	<b>Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa</b>
<b>L</b>	<b>QUYỀN LỢI NGOẠI TRÚ: Chi phí bảo hiểm tối đa</b>	đến <b>10.000.000</b> đồng/năm	đến <b>15.000.000</b> đồng/năm
	<b>Điều trị ngoại trú tổng quát</b>	<b>Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa</b>	<b>Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa</b>
	<b>Điều trị ngoại trú chuyên khoa</b>	<b>Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa</b>	<b>Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa</b>
	<b>Xét nghiệm và chụp X-quang</b> (Theo chỉ định của bác sĩ)	<b>Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa</b>	<b>Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa</b>
	<b>Thuốc theo đơn kê</b> (Theo chỉ định của bác sĩ)	<b>Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa</b>	<b>Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa</b>
	<b>Chi phí chữa trị Đông y, nắn xương &amp; châm cứu đông y</b> Tối đa 10 lần điều trị trong năm	150.000/mỗi lần khám	150.000/mỗi lần khám
	<b>Vật lý trị liệu và nắn xương khớp</b> (Theo chỉ định của bác sĩ) Tối đa 15 lần điều trị trong năm	200.000/mỗi lần khám	300.000/mỗi lần khám
<b>M</b>	<b>CHĂM SÓC NHA KHOA: Chi phí bảo hiểm tối đa</b>	đến <b>10.000.000</b> đồng/năm	đến <b>10.000.000</b> đồng/năm
	<b>Kiểm tra răng định kỳ:</b> Bao gồm cạo vôi & đánh bóng (Tối đa cho một năm hợp đồng)	2.000.000/lần trong năm	2.000.000/lần trong năm
	<b>Quyền lợi nha khoa cơ bản:</b> Nhổ răng, trám amalgam, chụp X-quang, lấy cao răng	<b>Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa</b>	<b>Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa</b>
	<b>Quyền lợi nha khoa chủ yếu:</b> Nhổ răng mọc bất thường, lấy tuỷ, cấy u răng, cấy cố gắng răng	<b>Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa</b>	<b>Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa</b>
<b>N</b>	<b>THAI SẢN: Chi phí bảo hiểm tối đa</b>	đến <b>40.000.000</b> đồng/năm	đến <b>40.000.000</b> đồng/năm
	Chi phí trước và sau khi sinh, chi phí sinh em bé, chi phí điều trị do hư thai, phá thai vì lý do y tế, hoặc bất kỳ biến chứng nào phát sinh từ việc mang thai, bao gồm chi phí chăm sóc trẻ sơ sinh 30 ngày. Thời gian chờ cho Thai sản là 12 tháng.	<b>Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa</b>	<b>Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa</b>